

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TƯ PHÁP**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

**ĐÀM QUANG NGỌC**

**CHỨC NĂNG CÔNG TỐ  
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ ĐỨC**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

*Chuyên ngành* : Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

*Mã số* : 9.38.01.04

**Người hướng dẫn khoa học : PGS. TS. Trần Văn Độ**

**HÀ NỘI - 2020**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án này.

**Tác giả Luận án**

**Đàm Quang Ngọc**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Thầy giáo hướng dẫn - Trung tướng, PGS.TS. Trần Văn Độ. Thầy đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi từ những ngày đầu tiên cho đến khi Luận án được hoàn thiện. Đồng thời, tôi chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo và cán bộ Trường Đại học Luật Hà Nội đã tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu. Sau cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, bạn bè, cơ quan, tổ chức, đồng nghiệp và các cá nhân đã luôn tạo điều kiện, động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, hoàn thành và bảo vệ Luận án.

**Tác giả Luận án**

**Đàm Quang Ngọc**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

BLTTHS	:	Bộ luật tổ tụng hình sự
TTHS	:	Tổ tụng hình sự
CNCT	:	Chức năng công tố
CQCT	:	Cơ quan công tố
CQĐT	:	Cơ quan điều tra

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>PHẦN TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU</b>	10
<b>PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU</b>	38
<b>Chương 1. Lịch sử hình thành và luận về chức năng công tổ</b>	38
1.1. Lịch sử hình thành chức năng công tổ	38
1.2. Luận về chức năng công tổ trong tổ tụng hình sự	42
<b>Kết luận Chương 1</b>	70
<b>Chương 2. Chức năng công tổ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Đức</b>	73
2.1. Khái quát chung về tố tụng hình sự Việt Nam và Đức	73
2.2. Những điểm tương đồng về chức năng công tổ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Đức	77
2.3. Những điểm khác biệt về chức năng công tổ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Đức	104
2.4. Đánh giá tổng quan về sự tương đồng và khác biệt của chức năng công tổ trong pháp luật tố tụng hình sự Đức và Việt Nam	116
<b>Kết luận Chương 2</b>	130
<b>Chương 3. Giải pháp nâng cao chất lượng chức năng công tổ trong tố tụng hình sự Việt Nam từ kinh nghiệm của Đức</b>	133
3.1. Yêu cầu của giải pháp nâng cao chất lượng chức năng công tổ trong tố tụng hình sự Việt Nam	133
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả chức năng công tổ trong tố tụng hình sự Việt Nam	138

**Kết luận Chương 3** 164

**KẾT LUẬN** 166

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC  
GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC  
CÔNG BỐ**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

CNCT là chức năng quan trọng trong TTTHS, được Nhà nước sử dụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định là tội phạm, đưa họ ra trước Tòa án để xét xử. Thực hiện đúng đắn và hiệu quả chức năng này, cùng với chức năng xét xử của Tòa án, chức năng gỡ tội, không chỉ góp phần vào nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, mà còn bảo vệ quyền con người, nhất là quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia TTTHS, góp phần xây dựng nền tư pháp dân chủ, hiệu quả, vì con người.

Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Hiến pháp) và BLTTTHS năm 2015, CNCT được trao cho Viện kiểm sát<sup>1</sup>. Nói cách khác, Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất thực hiện CNCT. Tuy nhiên, theo chúng tôi, thực tiễn thi hành BLTTTHS lại chưa thể hiện đúng đắn quy định này. Thực tiễn cho thấy còn nhiều điểm bất cập, đặc biệt là về sự phân định các chức năng tổ tụng trong BLTTTHS, cần phải được sửa đổi, bổ sung hướng đến mục tiêu ưu tiên tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân phù hợp với luật pháp quốc tế. Những bất cập chủ yếu được ghi nhận từ góc độ nhận thức cũng như thực tiễn là (i) Những quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế làm việc của các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn bất hợp lý chưa xác định rõ ràng, cụ thể phạm vi, nội dung quyền công tố; chưa có sự phân định chính xác, hợp lý giữa các chức năng cơ bản của tố tụng, dẫn đến việc quy định vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng chủ thể tố tụng và trình tự tiến hành các thủ tục tố tụng chưa phù hợp. Có những quyền thuộc chức năng buộc tội lại không được giao cho Viện kiểm sát là CQCT thực hiện; ngược lại, Tòa án (là cơ quan xét xử) lại được giao các quyền thuộc chức năng buộc tội trong quá trình xét xử; mối quan hệ giữa các chủ thể tố tụng khác nhau (chỉ đạo, phối hợp, chế ước),

<sup>1</sup> Điều 107, Hiến pháp năm 2013; Điều 20 BLTTTHS năm 2015;

nhất là giữa các chủ thể có chức năng buộc tội chưa được xác định rõ ràng; (ii) Chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp;...<sup>2</sup>.

Những vướng mắc, bất cập nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động tư pháp hình sự, đến kết quả phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, đến yêu cầu xây dựng một nền tư pháp dân chủ, công bằng, ảnh hưởng đến quyền tố tụng của người bị buộc tội và đặc biệt là không tạo ra được cơ chế pháp lý hữu hiệu để thúc đẩy các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Viện kiểm sát nói riêng tự hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

BLTTHS năm 2015 (cùng với Luật Tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 2014) đã có nhiều sửa đổi, hoàn thiện hơn so với BLTTHS năm 2003 đối với chế định CNCT, cụ thể như bảo đảm sự phân định rõ ràng hơn về chức năng của các cơ quan tiến hành tố tụng; tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra (quy định để xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát phải nắm bắt và quản lý đầy đủ, kịp thời các thông tin về tội phạm, quy định cơ chế để ràng buộc trách nhiệm của CQĐT trong việc thực hiện các yêu cầu, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhằm đảm bảo Viện kiểm sát thực hiện đầy đủ, hiệu quả CNCT; quy định về quyền quyết định việc truy tố đối với tội phạm và người phạm tội - một trong những quyền năng trung tâm và quan trọng của CNCT). Do mới có hiệu lực thi hành (từ 01/01/2018), cho nên câu hỏi liệu BLTTHS năm 2015 có thực sự khắc phục và khắc phục triệt để các vấn đề vướng mắc của BLTTHS năm 2003 hay không đang được bỏ ngỏ. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng đến sự cần thiết nghiên cứu của Luận án vì (i) Luận án nghiên cứu so sánh các quy định pháp luật TTHS thực định giữa Việt Nam và Đức, do đó, mặc dù BLTTHS năm 2015 mới có hiệu lực thi hành, nhưng trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội trong thời gian tới chưa đề nghị sửa đổi dự án luật này. Do đó, việc so

<sup>2</sup> Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Đề án mô hình tố tụng hình sự*, tr.2;



sánh sẽ không bị ảnh hưởng và vẫn giữ nguyên giá trị khoa học; (ii) các quốc gia, dù có những điểm tương đồng về mô hình TTHS, thậm chí có những điểm tương đồng xuất phát từ lịch sử thì các quy định về mô hình tổ tụng nói chung, về CNCT và sự vận hành của chức năng này trong thực tiễn tổ tụng cũng có những sự khác biệt. Mỗi quốc gia có những nét đặc thù riêng. Đức là quốc gia được đánh giá cao về sự dân chủ và bảo vệ quyền con người trong TTHS, đồng thời quốc gia này cũng vừa thực hiện cải cách tư pháp với nhiều đổi mới tiến bộ, tích hợp nhiều yếu tố của mô hình tổ tụng tranh tụng, do đó, nghiên cứu, so sánh chế định CNCT trong TTHS Đức và Việt Nam hứa hẹn nhiều giá trị khoa học đối với Việt Nam - quốc gia đang thực hiện cải cách tư pháp, hướng đến nền tư pháp trong sạch, dân chủ, tiến bộ, bảo vệ công lý bảo vệ quyền con người.

Mặt khác, một trong những nhiệm vụ ưu tiên của Cải cách tư pháp thể hiện trong Nghị quyết số 49/NQ-TW (sau đây gọi là Nghị Quyết 49) ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 là *“Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp”*. Ngoài ra, Nghị quyết 49 cũng nhấn mạnh *“tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra...”*. Tiếp đó, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và các CQĐT theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách đến năm 2020 khẳng định *“Mục tiêu chung của việc đổi mới là xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của hệ thống tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra thực sự khoa học, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp...”*.

Thực tế hiện nay cho thấy hầu hết các quốc gia đều ghi nhận sự đan xen trong mô hình tổ tụng nói chung và trong quy định về chức năng (của cơ quan) công tố nói riêng<sup>3</sup>. Ở Đức, công cuộc cải cách tư pháp bước đầu đã ghi nhận

<sup>3</sup> Timothy Waters, “A comparison of the inquisitorial and adversarial systems, xem trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Bộ tư pháp New Zealand, <http://www.justice.govt.nz/publications/global-publications/a/alternative->

những thành công khi các ưu điểm của mô hình tố tụng tranh tụng về tính công bằng, dân chủ và đặc biệt là bảo vệ quyền con người dần được thừa nhận trong cả nghiên cứu khoa học và luật pháp<sup>4</sup>. Ngoài ra, hệ thống CQCT của Đức được các nhà nghiên cứu so sánh thuộc các truyền thống pháp luật khác nhau (truyền thống luật châu Âu lục địa, truyền thống thông luật) đánh giá cao về tính khách quan và công tâm<sup>5</sup>. Ở Việt Nam, vấn đề CNCT, mô hình tổ chức và quyền hạn của Viện kiểm sát rất được quan tâm, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mục tiêu xây dựng nền tư pháp dân chủ, công bằng được Đảng và Nhà nước thúc đẩy. Do vậy, so sánh, học tập kinh nghiệm của Đức về cải cách tư pháp nói chung, cải cách đối với CQCT nói riêng đối với thực tiễn TTHS Việt Nam là rất cần thiết.

Có thể khẳng định, nghiên cứu quy định pháp luật TTHS về CNCT và sự vận hành của các quy định này ở Đức không chỉ có giá trị khoa học lí luận và thực tiễn sâu sắc, mà còn tiếp thu nhiều kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong công cuộc Cải cách tư pháp, xây dựng lí thuyết về mô hình TTHS, nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp hình sự.

Tóm lại, trước thực tế cho thấy, việc nghiên cứu, so sánh về CNCT trong TTHS là hết sức cần thiết. Vì vậy, đề tài “*Chức năng công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam và Đức*” sẽ là công trình nghiên cứu toàn diện về chức năng

---

[pre-trial-and-trial-processes-for-child-witnesses-in-new-zealands-criminal-justice-system/appendix-b-a-comparison-of-the-inquisitorial-and-adversarial-systems](http://pre-trial-and-trial-processes-for-child-witnesses-in-new-zealands-criminal-justice-system/appendix-b-a-comparison-of-the-inquisitorial-and-adversarial-systems), truy cập ngày 23/10/2014; Xem thêm các bài viết: Jehle, Jörg-Martin, (2000), "Prosecution in Europe: Varying structures, convergent trends." *European Journal on Criminal Policy and Research*, Vol8/1, p. 27-42; Brants, Chrisje, and Allard Ringnalda, (2011), "Issues of Convergence: Inquisitorial Prosecution in England and Wales, Wolff Legal Publishers"; Ringnalda, Allard, (2014), "Procedural Tradition and the Convergence of Criminal Procedure Systems: The Case of the Investigation and Disclosure of Evidence in Scotland." *American Journal of Comparative Law*, Vol62/4, p.1133-1166...;

<sup>4</sup> Xem Ma, Yue, (2002) "Prosecutorial discretion and plea bargaining in the United States, France, Germany, and Italy: A comparative perspective", *International Criminal Justice Review*, Vol12/1, p. 22-52; Albrecht, Hans-Jörg, (2000), Criminal prosecution: Developments, trends and open questions in the Federal Republic of Germany, *European Journal of Crime Criminal Law and Criminal Justice*, Vol8/3, p.245-256; Ekaterina Trendafilova, Werner Roth, (2008), Report on the public prosecution service in Germany, in trong sách "Promoting prosecutorial accountability, independence and effectiveness", Open Society Institute Sofia, p.233-235;

<sup>5</sup> Boyne, Shawn Marie, (2011), The German prosecution service: Guardians of the Law, *Springer*, p. 21 và các trang tiếp theo;